TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS-PT
Ngày 26-3-2021
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Đạo Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 293/2020/TLPT-DS ngày 22/10/2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2020/DS-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 378/2020/QĐ-PT ngày 22/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 23/2021/QĐ-PT ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông L.T.H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông P.Đ.B.T là Luật sư của Văn phòng Luật sư P.N.K.L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Thành phố H, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

2. Bị đơn: Bà L.P.H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông P.V.H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/12/2020); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà L.A.H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.2. Bà L.T.T.N, sinh năm 1968; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.3. Bà L.H.H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.4. Bà L.H.P, sinh năm 1971; địa chỉ: Huyện Đ, tỉnh Bình Phước; vắng mặt.

3.5. Bà L.D.H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.6. Bà Lê.T.H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.7. Ông H.V.H, sinh năm 1959; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.8. Bà N.T.H, sinh năm 1959; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.9. Ông H.T.H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà L.P.H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông L.T.H trình bày*:

Mẹ của ông L.T.H là bà H.T.G, chết ngày 20/7/2014 theo Giấy chứng tử số 41/2014 ngày 23/7/2014, đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường T. Bà H.T.G chết bệnh già, không để lại di chúc. Chồng của bà H.T.G là ông L.V.L, sinh năm 1943 đã bỏ nhà đi mất tích từ khi các con còn nhỏ, hiện không còn liên lạc.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà H.T.G bao gồm: Bà L.A.H, sinh năm 1964; bà Lâm Tuyết Nga, sinh năm 1968; bà L.H.H, sinh năm 1970; bà L.H.P, sinh năm 1971; bà L.D.H, sinh năm 1974; ông L.T.H, sinh năm 1979; bà L.P.H, sinh năm 1977;

- Di sản của bà H.T.G để lại gồm:

1. Quyền sử dụng đất diện tích 130m^2, đo đạc thực tế là 133,6 m^2 thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, theo GCNQSDĐ số (viết tắt là GCNQSDĐ) vào sổ GCN: CH02626 do UBND huyện U, tỉnh Bình Dương ngày 27/8/2013 cấp cho ông H.V.H. Trước đây, GCNQSDĐ này là của H.T.G cầm cố cho ông H.V.H 150 triệu đồng và không trả tiền nên sang tên cho ông H.V.H. Vụ việc có tranh chấp và Ông H.V.H thỏa thuận nhận đủ số tiền 276.500.000 đồng trả lại quyền sử dụng đất cho ông L.T.H (con H.T.G). Thực hiện việc trả quyền sử dụng đất này thì ngày 04/12/2015 ông H.V.H đã ra Văn phòng Công chứng C ký hợp đồng ủy quyền cho ông L.T.H toàn quyền quyết định đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20 và đã giao cho ông L.T.H GCNQSDĐ số vào sổ CH02626 do UBND huyện U, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/8/2013.

Ông L.T.H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã U sử dụng kết quả đo đạc do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã U, tỉnh Bình Dương ký ngày 23/10/2017 và kết quả định giá ngày 23/6/2020 để giải quyết vụ án. Theo kết quả định giá và đo đạc thực tế, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20 có diện tích 133,6 m^2 x 3.500.000 đồng/m^2 = 467.600.000 đồng

2. Tài sản trên đất:

- Một căn nhà chính (nhà ông L.T.H đang sử dụng) diện tích 46,9m^2 x 3.080.000 đồng/m^2 x 65% giá trị sử dụng còn lại = 93.893.800 đồng.

- Một nhà phụ (nhà bà L.P.H đang sử dụng) diện tích 37,4m^2 x 3.080.000 đồng/m^2 x 65% giá trị sử dụng còn lại = 74.874.800 đồng;

- Mái che có diện tích 32,7m^2 x 250.000 đồng/m^2 = 8.175.000 đồng;

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 644.543.600 đồng.

Ngoài di sản thừa kế trên, bà H.T.G còn để lại nghĩa vụ tài sản là số tiền 276.500.000 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng tiền gốc và 76.500.000 đồng tiền lãi tính đến thời gian tháng 3/2020). Đây là tiền ông L.T.H đã vay mượn chi trả cho ông H.V.H vào năm 2014 để nhận lại quyền sử dụng đất thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20. Ông L.T.H yêu cầu Tòa án buộc các đồng thừa kế của bà H.T.G phải thực hiện nghĩa vụ tài sản của H.T.G trả lại cho ông L.T.H số tiền trên.

Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài sản do H.T.G để lại thì phần thừa kế mà ông L.T.H yêu cầu nhận được tính như sau: 644.543.600 đồng - 276.500.000 đồng = 368.043.600 đồng chia làm 07 phần, mỗi phần thừa kế được nhận 52.577.657 đồng.

Diện tích đất di sản thừa kế của H.T.G theo kết quả đo đạc là 133,6m^2 trong đó có 65m^2 là đất hành lang đường bộ, diện tích còn lại có 68.6m^2 rất nhỏ, nếu chia làm 02 thửa đất sẽ không đáp ứng được nhu cầu xây dựng và sinh hoạt của 02 gia đình. Trước khi nộp đơn khởi kiện ông L.T.H có bàn bạc với bà L.P.H phương án giao toàn bộ nhà đất thuộc di sản thừa kế cho ông L.T.H sử dụng, ông L.T.H có trách nhiệm giao tiền giá trị phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác nếu họ có yêu cầu. Hiện tại ngôi nhà ông L.T.H và bà L.P.H ở đã xuống cấp dột nát, trời mưa nước ngập không có chỗ sinh hoạt, gia đình ông L.T.H có 04 người gồm 02 vợ chồng và 02 con sinh sống trên diện tích căn nhà chính 46,9m^2, con gái ông L.T.H hiện nay đã 16 tuổi cần có không gian sinh hoạt riêng. Gia đình bà L.P.H có 02 con trai đã lớn trong khi anh em sống chung cùng nhà hay xảy ra mâu thuẫn, bất hòa làm cho hai gia đình lúc nào cũng căng thẳng, mất đoàn kết. Vì vậy, ông L.T.H yêu cầu Tòa án giao cho ông được nhận toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật, ông L.T.H hoàn trả lại giá trị phần di sản thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại. Hoàn cảnh kinh tế gia đình của ông L.T.H rất khó khăn nhưng ông L.T.H sẽ hỗ trợ thêm cho bà L.P.H 30.000.000 đồng để bà L.P.H ổn định chỗ ở mới.

** Bị đơn bà L.P.H trình bày:*

Thống nhất quan hệ nhân thân về hàng thừa kế thứ nhất và di sản cũng như nghĩa vụ dân sự của bà H.T.G để lại như ông L.T.H trình bày. Thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã U sử dụng kết quả đo đạc do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã U ký ngày 23/10/2017 và kết quả định giá ngày 23/6/2020 để giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc lại.

Thống nhất tổng giá trị di sản thừa kế do bà H.T.G để lại gồm đất và tài sản trên đất theo cách tính của ông L.T.H là 644.543.600 đồng.

Thống nhất ngoài di sản thừa kế trên, bà H.T.G còn để lại nghĩa vụ tài sản tại thời điểm xét xử số tiền là 276.500.000 đồng theo cách tính ông L.T.H đã trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 28/4/2020. Đây là tiền ông L.T.H đã trả cho ông H.V.H để chuộc lại quyền sử dụng đất thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20. Bà L.P.H đồng ý trừ nghĩa vụ tài sản trên vào tổng di sản thừa kế của H.T.G. Sau khi trừ nghĩa vụ tài sản do bà H.T.G để lại thì di sản thừa kế của bà H.T.G còn 368.043.600 đồng, chia làm 07 phần, mỗi phần di sản thừa kế được nhận 52.577.657 đồng.

Bà L.P.H không đồng ý nhận phần di sản thừa kế bằng tiền, tuy nhiên trường hợp Tòa án giao toàn bộ di sản thừa kế của bà H.T.G cho bà L.P.H sử dụng thì bà L.P.H không có khả năng thanh toán tiền giá trị phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại. Mặc dù diện tích nhà bà L.P.H đang sử dụng chỉ có 37,4 m^2, sinh hoạt hàng

ngày bất tiện do phải sử dụng chung nhà vệ sinh nhưng bà L.P.H đề nghị được sở hữu chung di sản thừa kế, giữ nguyên hiện trạng ngôi nhà để sử dụng làm nơi cúng giỗ bà H.T.G và để tất cả các đồng thừa kế của bà H.T.G nếu ai không có nhà thì về ở trên đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê.T.H trình bày*:

Thống nhất phần trình bày của nguyên đơn ông L.T.H và không trình bày bổ sung.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L.H.H, bà L.A.H, bà L.D.H trình bày tại bản tự khai*:

Thống nhất về quan hệ nhân thân, về hàng thừa kế thứ nhất, di sản thừa kế cũng như nghĩa vụ tài sản do bà H.T.G để lại như nguyên đơn ông L.T.H trình bày. Bà L.H.H, bà L.A.H, bà L.D.H không đồng ý chia di sản thừa kế mà để lại làm nơi thờ cúng bà H.T.G.

** Tại bản tự khai ngày 01/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L.H.P (L.T.P) trình bày*:

Bà Phượng giao phần thừa kế di sản của bà cho ông L.T.H, bà L.P.H sử dụng để có nơi thờ cúng bà H.T.G.

** Tại bản tự khai ngày 08/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L.T.T.N trình bày*:

Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H.V.H, bà N.T.H, ông H.T.H thống nhất trình bày:*

Thừa nhận thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20 là di sản thừa kế của bà H.T.G. Ông H.V.H đã nhận đủ số tiền 276.500.000 đồng của ông L.T.H. Ngày 04/12/2015 ông H.V.H, bà N.T.H đã ra Văn phòng Công chứng C ký hợp đồng ủy quyền cho ông L.T.H toàn quyền quyết định đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20 và đã giao cho ông L.T.H GCNQSDĐ số vào sổ CH02626 do UBND huyện U, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/8/2013.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L.T.H đối với bị đơn bà L.P.H về việc tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

2. Xác định quyền sử dụng diện tích đất 133,6m^2 thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20 tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương là di sản của bà H.T.G để lại cho những người thừa kế.

3. Chia di sản của bà H.T.G để lại theo quy định của pháp luật cho 07 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà L.A.H, bà Lâm Tuyết Nga, bà L.H.H, bà L.H.P, bà L.D.H, ông L.T.H và bà L.P.H như sau:

+ Giao cho ông L.T.H được quyền sử dụng diện tích đất 133,6m^2 thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20 tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Đất có tứ cận:

- Hướng Đông: Giáp đất của bà D.T.K.H.

- Hướng Tây: Giáp đường đất.

- Hướng Nam: Giáp đất của ông H.V.T.

- Hướng Bắc: Giáp đường đất nhỏ.

Ông L.T.H được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được giao nêu trên gồm 01 căn nhà chính diện tích 46,9m^2; 01 nhà phụ diện tích 37,4m^2; 01 mái che diện tích 32,7m^2.

Ông L.T.H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao; (có bản vẽ kèm theo).

4. Ghi nhận việc bà L.H.P (L.T.P) giao phần di sản thừa kế giá trị 52.577.657 đồng cho bà L.P.H và ông L.T.H được quản lý sử dụng.

5. Ông L.T.H có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế cho những người thừa kế khác như sau:

+ Bà L.A.H số tiền 52.577.657 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

+ Bà Lâm Tuyết Nga số tiền 52.577.657 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

+ Bà L.H.H số tiền 52.577.657 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

+ Bà L.D.H số tiền 52.577.657 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

+ Bà L.P.H số tiền 78.866.485 đồng (bảy mươi tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi năm đồng).

6. Ghi nhận việc ông L.T.H tự nguyện hỗ trợ cho bà L.P.H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

7. Bà L.P.H được quyền lưu trú trên thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20 tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn này bà L.P.H phải bàn giao nhà và đất cho ông L.T.H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, trách nhiệm chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/8/2020, bị đơn bà L.P.H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Việc án sơ thẩm xác định ông L.V.L mất tích đã được các bên thừa nhận nên án sơ thẩm xử chia thừa kế của bà H.T.G cho các thừa kế còn lại là phù hợp pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn có yêu cầu kháng cáo và cho rằng:

Án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì xác định ông L.V.L mất

tích nhưng không có căn cứ chứng minh; xác định di sản thừa kế của bà H.T.G không đúng do tài sản là căn nhà của bà L.P.H đang ở để chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Long là vi phạm tố tụng nghiêm trọng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy án sơ thẩm số: 34/2020/DSST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự, luật sư và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà L.P.H làm nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự là người liên quan đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Ông L.T.H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và nghĩa vụ tài sản do bà H.T.G (mẹ ông L.T.H) chết năm 2014 để lại bao gồm:

Di sản là quyền sử dụng đất diện tích 130m^2 thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, theo GCNQSDĐ số: 03756/QSDĐ/TU ngày 20/10/2004. Ngày 27/12/2012, H.T.G cầm cố giấy CNQSDĐ này bằng hình thức lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H.V.H. Ông H.V.H đã được UBND huyện U cấp GCN: CH02626 ngày 27/8/2013. Trên phần đất ông H.V.H được cấp còn có 02 căn nhà: Một căn của H.T.G và một căn của bà L.P.H (con H.T.G). Sau khi H.T.G qua đời, bà L.P.H tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy GCNQSDĐ của ông H.V.H thì các bên đã thỏa thuận được việc giải quyết vụ án là các đồng thừa kế của H.T.G trả cho ông H.V.H số tiền 200.000.000 đồng để chuộc lại đất và ông H.V.H giao lại bản chính GCNQSDĐ mang tên H.V.H. Đồng thời, ông H.V.H ủy quyền cho ông L.T.H sau khi ông L.T.H trả đủ số tiền 200.000.000 đồng nêu trên. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất được định giá 644.543.600 đồng. Nghĩa vụ tài sản là số tiền 276.500.000 đồng (200.000.000 đồng tiền gốc và 76.500.000 đồng tiền lãi tính đến tháng 3/2020).

Theo trình bày của nguyên đơn và các đương sự thì bà H.T.G chết ngày 20/7/2014 không để lại di chúc, có giấy chứng tử số: 41/2014 ngày 23/7/2014, đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân phường T.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Hàng thừa kế thứ nhất của H.T.G bao gồm: Các con ruột của H.T.G là bà L.A.H, sinh năm 1964; bà Lâm Tuyết Nga, sinh năm 1968; bà L.H.H, sinh năm 1970; bà L.H.P, sinh năm 1971; bà L.D.H, sinh năm 1974; ông L.T.H, sinh năm 1979; bà L.P.H, sinh năm 1977. Án sơ thẩm xác định chồng của bà H.T.G là ông L.V.L, sinh năm 1943 đã bỏ nhà đi mất tích từ khi các con còn nhỏ, hiện không còn liên lạc nhưng không thu thập được tài liệu chứng minh ông Long mất tích hay đã chết là bỏ sót người tham gia tố tụng cũng như quyền lợi của họ.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, chưa điều tra, thu thập chứng cứ đầy đủ nên dẫn đến việc bỏ sót người thừa kế của người để lại di sản; chưa có căn cứ xác định di sản để lại là tài sản chung vợ chồng hay tài sản riêng của H.T.G nên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Khi có đủ căn cứ xác định đầy đủ những người thuộc hàng thừa kế và khi phân chia lại Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích thực tế đo đạc để nêu lý do tăng diện tích theo số cho rõ ràng. Đồng thời, khi giải quyết cần cân nhắc xác định rõ, đầy đủ di sản của người chết để lại và việc hướng dẫn, áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự khi mà quyền sử dụng đất còn lại không đủ điều kiện phân chia.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương hủy án sơ thẩm là có căn cứ.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà L.P.H; Hủy Bản án số: 34/2020/DS-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà L.P.H không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã U hoàn lại cho bà L.P.H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051583 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã U, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã U;
- Chi cục THADS thị xã U;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Tòa DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Minh Tấn

Thẩm phán thành viên	Thẩm phán Chủ tọa
Nguyễn Công Lực – Nguyễn Đắc Cường	Nguyễn Minh Tấn